

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2019

(V/v: tranh chấp ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- ông Lê Đắc Ty;

- ông Đinh Công Thuyết.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Quốc Dương là Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** (VKSND) huyện Lạc Thủy tham gia phiên tòa: bà Trần Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2019 về tranh chấp kiện ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Tống Đức L, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: thôn 7, xã Ph, huyện L, Hòa Bình.

2. Bị đơn: chị Ngô Kiều Ng, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: thôn 7, xã Ph, huyện L, Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 25 tháng 7 năm 2019; lời khai tại TAND huyện L và tại phiên tòa nguyên đơn anh Tống Đức L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1991, anh Tống Đức L và chị Ngô Kiều Ng kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình, anh L và chị Ng kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ngăn cản, ép buộc. Sau khi kết hôn anh L, chị Ng về chung sống cùng nhau tại thôn 7, xã Ph, huyện L, tỉnh H. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc, đến năm 2009 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do có sự bất đồng quan điểm giữa anh L và chị

Ng; kể từ khi mâu thuẫn xảy ra anh, chị đã sống ly thân cho đến nay. Anh L nhận thấy tình cảm giữa anh và chị Ng không còn nữa; tại phiên tòa hôm nay anh L yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh L được ly hôn với chị Ngô Kiều Ng.

Bị đơn chị Ngô Kiều Ng trình bày: Năm 1991 chị và anh L kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình, sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng nhau tại thôn 7, xã Ph, huyện L. Thời gian từ năm 1991 đến năm 2008 tình cảm vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc, đến năm 2009 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L, chị Ng có nhiều bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài và không thể chung sống với nhau được nữa. Anh L làm đơn gửi ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Ng thì chị cũng nhất trí.

Về con chung: Anh L và chị Ng cùng nhất trí là có hai người con chung, con lớn tên là Tổng Thị Thu H, sinh năm 1991, con thứ hai tên là Tổng Diệu L, sinh năm 1995; cả hai con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên anh L, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh L, chị Ng cùng nhất trí xin tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: anh L, chị Ng cùng nhất trí không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Đối với Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật như: Thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, việc thu thập chứng cứ theo quy định; tuân thủ đúng pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng.

+ Đối với HĐXX: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm thể hiện như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, trình tự tố tụng bắt đầu phiên tòa, việc hỏi, tranh luận, nghị án, tuyên án tại phiên tòa.

+ Đối với Thư ký: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, nội quy phiên tòa quy định tại các điều 70,71,72 và Điều 234 Bộ luật TTDS.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Anh L, chị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, tại thôn 7, xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Anh L, chị Ng khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh L, chị Ng cung cấp tài liệu, chứng cứ, trong đó yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn nhưng anh L, chị Ng không cung cấp được cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn hay Trích lục kết hôn. Chị Ng có đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân đề ngày 29/7/2019; UBND xã Ph chỉ xác nhận vào đơn với nội dung: anh L, chị Ng có Hộ khẩu thường trú tại địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng. Như vậy chưa có đủ căn cứ chứng minh việc anh L, chị Ng có đăng ký kết hôn nhưng đã làm mất. Tuy nhiên, trên thực tế anh L, chị Ng cùng khai thống nhất là đã chung sống với nhau từ năm 1991 và có hai con chung; đến năm 2009 mới nảy sinh mâu thuẫn và hai người sống ly thân cho đến nay.

Đại diện VKSND viện dẫn hướng dẫn tại Điểm b, Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000 và viện dẫn Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 hiện hành; đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; tuyên anh L và chị Ng không phải là vợ chồng.

+ Án phí: đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí, tuyên nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: anh Tổng Đức L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Ngô Kiều Ng; anh L, chị Ng cùng có địa chỉ Hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện L, tỉnh Hòa Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh L, chị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 tại thôn 7, xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Anh L, chị Ng khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph nhưng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh L, chị Ng không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn hoặc trích lục kết hôn hoặc Xác nhận của UBND xã Ph về việc anh L, chị Ng có đăng ký kết hôn. Trên tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 về việc thi hành Luật HN&GD; quy định: " *Nam nữ chung*

sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Quá trình giải quyết, anh Lực, chị Ngân cũng đã được giải thích về nội dung này và có văn bản nhất trí việc Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình 2014 và xét thấy đề nghị của Đại diện VKSND là có căn cứ; HĐXX thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh L và tuyên không công nhận anh L và chị Ng là vợ chồng.

Các nội dung khác về con chung, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh Tống Đức L nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tống Đức L. Tuyên bố không công nhận anh Tống Đức L và chị Ngô Kiều Ng là vợ chồng.

2. Về án phí: anh Tống Đức L nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh L đã nộp theo biên lai thu số: 0005700 ngày 30 /7 /2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy; nay anh L không còn phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hoà Bình;
- VKSND H: L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

- VKSND Tỉnh HB;
- Chi Cục THADS H: L
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đinh Lan Hương